

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**NGÀNH/NGHỀ: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

**MÃ NGÀNH/NGHỀ: 6340202**

**TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP (hệ tốt nghiệp THCS)**

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 299/QĐ-KTKT, ngày 15 tháng 8 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ*

**NĂM 2024**



# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Ngành, nghề:** Tài chính – Ngân hàng

**Mã ngành, nghề:** 6340202

**Trình độ đào tạo:** trung cấp

**Đối tượng tuyển sinh:** tốt nghiệp THCS hoặc tương đương

**Thời gian khóa học:** 2,5 năm

## 1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Tài chính - Ngân hàng là ngành nghề liên quan đến các dịch vụ giao dịch, luân chuyển tiền tệ thông qua ngân hàng, các tổ chức tín dụng và các công cụ tài chính của ngân hàng phát hành trong phạm vi nội địa và quốc tế.

Nghề Tài Chính - Ngân hàng là nghề thực hiện các công việc: nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, kế toán ngân hàng thương mại, xử lý rủi ro tín dụng. Nghề Tài chính - Ngân hàng đòi hỏi các kỹ năng mềm cần thiết để đáp ứng nhu cầu của công việc như kỹ năng giao tiếp với khách hàng, giới thiệu sản phẩm, thuyết phục khách hàng, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng tin học, kỹ năng quản lý thời gian, tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, làm việc theo nhóm... để đáp ứng yêu cầu của từng vị trí công việc và yêu cầu làm việc trong môi trường đầy năng động và giàu tính cạnh tranh và toàn cầu hóa. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, chi tiết, rõ ràng; xây dựng ý thức nghề và sự say mê nghề.

Để hành nghề, người lao động phải có sức khỏe tốt, đạo đức nghề nghiệp tốt, có đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, chi tiết, rõ ràng; xây dựng ý thức nghề và sự say mê nghề.

Người học sau khi tốt nghiệp nghề Tài chính- Ngân hàng trình độ trung cấp phải đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

## 2. Mục tiêu đào tạo

### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trung cấp ngành Tài chính - Ngân hàng với hệ tốt nghiệp THCS được thiết kế để đào tạo học sinh trình độ trung cấp có đạo đức nghề nghiệp và

sức khoẻ tốt, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc; được trang bị kiến thức cơ bản về luật pháp, kinh tế - xã hội, tài chính - tiền tệ - ngân hàng, kinh tế học... và những kiến thức chuyên sâu về ngành tài chính - ngân hàng.

## 2.2 Mục tiêu cụ thể

### 2.2.1 Về kiến thức

- Kiến thức đại cương:

+ Trình bày được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, quân sự, rèn luyện sức khỏe;

+ Trình bày được kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, toán để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận vấn đề thuộc ngành, nghề.

- Kiến thức cơ sở ngành:

+ Trình bày được các khái niệm cơ bản về tài chính tiền tệ, tín dụng, ngân hàng, thuế, bảo hiểm;

+ Trình bày được kiến thức ngoại ngữ cơ bản đạt bậc 1/6 trong khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam;

+ Trình bày được kiến thức tin học cơ bản trong công tác Tài chính - Ngân hàng đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.

- Kiến thức chuyên ngành:

Trình bày được các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại như:

+ Liệt kê, mô tả được các biểu mẫu, chứng từ ngân hàng liên quan đến các nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ tín dụng, xử lý nợ;

+ Trình bày được quy trình thực hiện các nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ tín dụng; quan hệ khách hàng; hỗ trợ tín dụng, kho quỹ, xử lý nợ.

+ Liệt kê được một số rủi ro trong hoạt động tín dụng ngân hàng, các bước trong quy trình xử lý rủi ro tín dụng ngân hàng;

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### 2.2.2 Về kỹ năng

- Kỹ năng nhận thức:



+ Vận dụng được kỹ năng tư duy, sáng tạo, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, phản biện, làm việc nhóm;

+ Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào thực tiễn, từng bước phát triển năng lực nghề nghiệp;

+ Tính toán, xử lý được các tình huống và giải quyết các vấn đề trong công việc;

+ Thực hiện được công việc theo kế hoạch.

- Kỹ năng thực hành nghề:

+ Lập được các chứng từ, phân loại, kiểm tra, xử lý các chứng từ liên quan đến các nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ tín dụng; kho quỹ, xử lý nợ;

+ Thực hiện được các công việc theo các bước trong quy trình của nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng; kho quỹ, xử lý nợ;

+ Phát hiện được các rủi ro tín dụng, thực hiện được các biện pháp hạn chế và xử lý rủi ro tín dụng;

+ Sử dụng được các phương pháp, các công thức tính toán tính một số chỉ tiêu tài chính cơ bản;

+ Phát triển được sản phẩm mới trong lĩnh vực dịch vụ Tài chính - Ngân hàng;

+ Vận dụng được lý thuyết vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và giải quyết một số vấn đề liên quan đến ngành, nghề;

+ Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

+ Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### 2.2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước;

- Cần cù, chịu khó, cẩn thận và sáng tạo trong công việc;

- Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo và tổ chức;

- Tự nghiên cứu, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao trình độ;

- Làm việc có phương pháp khoa học, có tính tổ chức kỷ luật;
- Tự tin, chủ động trong xác định mục đích, yêu cầu công việc, cách thức thực hiện công việc;
- Phân tích, giải quyết vấn đề, đúc kết kinh nghiệm, cải tiến công việc được giao;
- Tự đánh giá được kết quả công việc của bản thân và kết quả công việc của nhóm;
- Thích nghi với những vấn đề phức tạp, trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Nhận thức và tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

### **3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Giao dịch - thanh toán;
- Kho quỹ;
- Quan hệ khách hàng;
- Hỗ trợ tín dụng;
- Kế toán;

### **4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập**

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 50 *tín chỉ*
- Số lượng môn học: 20
- Khối lượng học tập các môn học chung: 255/11 (*giờ/tín chỉ*)
- Khối lượng học tập các môn học chuyên môn: 1.035/39 (*giờ/tín chỉ*)
- Khối lượng lý thuyết: 353 (giờ); thực hành, thực tập: 937 giờ



## 5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
<b>I</b>	<b>Năng lực cơ bản (năng lực chung)</b>	
1	NLCB-01	Năng lực sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản (Bậc 2 theo KNLNNVN, tương đương CEFR A1)
2	NLCB-02	Năng lực sử dụng công nghệ thông tin đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
3	NLCB-03	Năng lực hiểu biết về chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách nhà nước.
4	NLCB-04	Năng lực hiểu biết về Nhà nước và pháp luật. Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn.
5	NLCB-05	Năng lực hiểu biết về hệ thống chính trị, pháp luật và quốc phòng - an ninh của nhà nước Việt Nam, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
6	NLCB-06	Đảm bảo khả năng đáp ứng về thể chất, sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp
<b>II</b>	<b>Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)</b>	
1	NLCL-01	Hiểu biết cơ bản về tài chính - tiền tệ - ngân hàng
2	NLCL-02	Soạn thảo các văn bản
3	NLCL-03	Hiểu biết cơ bản về kế toán
4	NLCL-04	Có kiến thức cơ bản về bảo hiểm
5	NLCL-05	Hiểu được các phương thức xử lý rủi ro, nguy cơ và tổn thất của hợp đồng bảo hiểm
6	NLCL-06	Hiểu biết cơ bản về các chính sách thuế, phí và lệ phí.
7	NLCL-07	Tính toán và khai báo thuế.

8	NLCL-08	Tính và phân tích các chỉ tiêu tài chính doanh nghiệp
9	NLCL-09	Có kiến thức cơ bản về quản lý vốn, chi phí, giá thành, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp
10	NLCL-10	Hiểu được các vấn đề pháp lý có liên quan đến các nghiệp vụ trong ngân hàng thương mại
11	NLCL-11	Thực hiện được các nghiệp vụ của chuyên viên tín dụng trong ngân hàng thương mại
12	NLCL-12	Lập các chứng từ, phân loại, kiểm tra, xử lý các chứng từ liên quan đến các nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ tín dụng; kho quỹ, xử lý nợ
13	NLCL-13	Thực hiện các công việc theo các bước trong quy trình của nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng; kho quỹ, xử lý nợ.
14	NLCL-14	Thực hiện được các nghiệp vụ kế toán trong ngân hàng thương mại.
15	NLCL-15	Ghi nhận được thông tin tài khoản kế toán trong ngân hàng thương mại.
16	NLCL-16	Có hiểu biết về các hoạt động của marketing trong ngân hàng thương mại.
17	NLCL-17	Phân tích và đánh giá được các hoạt động marketing trong ngân hàng thương mại.
18	NLCL-18	Hiểu được những vấn đề cơ bản về ngân sách nhà nước.
19	NLCL-19	Lập kế hoạch, dự toán thu - Chi ngân sách nhà nước.
20	NLCL-20	Thực hành các nghiệp vụ huy động vốn, tín dụng, quản trị các rủi ro trong ngân hàng thương mại.
21	NLCL-21	Thực hành các nghiệp vụ huy động vốn, tín dụng, quản trị các rủi ro ngân hàng thương mại trong thực tiễn.



22	NLCL-22	Phát triển được sản phẩm mới trong lĩnh vực dịch vụ Tài chính - Ngân hàng
<b>III</b>	<b>Năng lực năng cao</b>	
1	NLNC-01	Thực hành dự toán ngân sách nhà nước tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, khai báo thuế tại các đơn vị sản xuất kinh doanh
2	NLNC-02	Quản lý thu thuế tại các cơ quan thuế.
3	NLNC-03	Thực hành một số nghiệp vụ cơ bản của Ngân hàng trung ương về nghiệp vụ tín dụng và nghiệp vụ thị trường mở của ngân hàng trung ương.
4	NLNC-04	Nắm được nguyên lý các nghiệp vụ thị trường mở và các phương thức giao dịch để vận dụng vào thực tế trong kinh doanh của ngân hàng thương mại và điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương.
<b>IV</b>	<b>Năng lực bổ trợ</b>	
1	NLBT-01	Có kỹ năng lập kế hoạch và tiến hành công việc; kỹ năng quản lý công việc; kỹ năng quản lý tài chính cá nhân;
2	NLBT-02	Có kỹ năng giảm sự lo lắng và căng thẳng trong công việc; kỹ năng linh hoạt, thích nghi với sự thay đổi.
3	NLBT-03	Có kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng ra quyết định; kỹ năng sáng tạo; kỹ năng khởi nghiệp;



## 6. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/Thực tập /thí nghiệm/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>11</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
TMC304	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
TMC302	Pháp luật	1	15	9	5	1
TMC406	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
TMC305	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
TMC301	Tin học	2	45	15	29	1
TMC107	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>					
<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>	<b>8</b>	<b>135</b>	<b>97</b>	<b>30</b>	<b>8</b>
TNH302	Lý thuyết tài chính – tiền tệ - tín dụng	3	45	42	0	3
CKT304	Soạn thảo văn bản	2	30	28	0	2
TNH304	Nguyên lý kế toán	3	60	27	30	3
<b>II.2</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>	<b>30</b>	<b>915</b>	<b>134</b>	<b>762</b>	<b>19</b>
TNH503	Thuế	3	45	42	0	3
TNH402	Tài chính doanh nghiệp	2	45	13	30	2
TNH502	Marketing ngân hàng	2	45	13	30	2
TNH404	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	75	12	60	3
TNH501	Kế toán ngân hàng thương mại	3	60	27	30	3
TNH504	Tin học ứng dụng	1	30	0	29	1
TNH401	Ngân sách nhà nước	3	60	27	30	3
TNH403	Thực hành chuyên ngành	2	60	0	58	2
TNH506	Thực tập doanh nghiệp	5	225	0	225	0
TKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
TXH301	Công tác xã hội	1	45	0	45	0
<b>II.3</b>	<b>Môn học tự chọn, nâng cao</b>	<b>2</b>	<b>30</b>	<b>28</b>	<b>0</b>	<b>2</b>
TKT301	Bảo hiểm	2	30	28	0	2
TNH303	Ngân hàng trung ương	2	30	28	0	2
<b>Tổng cộng:</b>		<b>50</b>	<b>1.290</b>	<b>353</b>	<b>895</b>	<b>42</b>

## 7. Kế hoạch giảng dạy:

### Học kỳ 1

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>5</b>	<b>135</b>	<b>43</b>	<b>85</b>	<b>7</b>
1	TMC406	Pháp luật	1	15	9	5	1
2	TMC302	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
3	TMC107	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
4	TXH301	Công tác xã hội	1	45	0	45	0
<b>Tổng cộng:</b>			<b>5</b>	<b>135</b>	<b>43</b>	<b>85</b>	<b>7</b>

### Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>7</b>	<b>150</b>	<b>51</b>	<b>93</b>	<b>7</b>
1	TMC304	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
2	TMC305	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
3	TMC301	Tin học	2	45	15	29	1
4	TNH504	Tin học ứng dụng	1	30	0	29	1
<b>Tổng cộng:</b>			<b>7</b>	<b>150</b>	<b>51</b>	<b>92</b>	<b>7</b>



**Học kỳ 3:**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>7</b>	<b>120</b>	<b>83</b>	<b>30</b>	<b>7</b>
1	CKT304	Soạn thảo văn bản	2	30	28	0	2
2	TNH302	Lý thuyết tài chính – tiền tệ - tín dụng	3	45	42	0	3
3	TNH402	Tài chính doanh nghiệp	2	45	13	30	2
<b>Tổng cộng:</b>			<b>7</b>	<b>120</b>	<b>83</b>	<b>30</b>	<b>7</b>

**Học kỳ 4:**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>17</b>	<b>360</b>	<b>135</b>	<b>208</b>	<b>17</b>
1	TNH503	Thuế	3	45	42	0	3
2	TNH304	Nguyên lý kế toán	3	60	27	30	3
3	TNH404	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	75	12	60	3
4	TNH501	Kế toán ngân hàng thương mại	3	60	27	30	3
5	TNH401	Ngân sách nhà nước	3	60	27	30	3
6	TNH403	Thực hành chuyên ngành tài chính ngân hàng	2	60	0	58	2
<b>Tổng cộng:</b>			<b>17</b>	<b>360</b>	<b>163</b>	<b>150</b>	<b>17</b>

### Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>12</b>	<b>495</b>	<b>13</b>	<b>480</b>	<b>2</b>
1	TNH502	Marketing ngân hàng	2	45	13	30	2
2	TNH505	Thực tập doanh nghiệp	5	225	0	225	0
3	TKL555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
		<b>Môn học tự chọn</b>	<b>2</b>	<b>30</b>	<b>28</b>	<b>0</b>	<b>2</b>
4	TKT301	Bảo hiểm	2	30	28	0	2
5	TNH305	Ngân hàng trung ương	2	30	28	0	2
<b>Tổng cộng:</b>			<b>14</b>	<b>525</b>	<b>41</b>	<b>480</b>	<b>4</b>

### 8. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Đối với chương trình các môn học chung được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng giảng dạy, cụ thể:

1. Môn Giáo dục quốc phòng - An ninh: Thực hiện theo Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng

2. Môn Tin học: Thực hiện theo Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; Công văn số 2468/TCGDNN-ĐTCQ ngày 23/11/2023 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc khai thác, sử dụng mô đun đào tạo “Năng lực số”;

3. Môn Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương



trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

4. Môn Pháp Luật: Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

5. Môn Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

6. Môn Anh Văn: Thực hiện theo Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Anh Văn thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng trình độ trung cấp được thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ. Chương trình có tổng số tín chỉ: 50 tín chỉ với các môn học và khối lượng được xây dựng như trên là những quy định bắt buộc bao gồm các nội dung sau:

+ Các môn học chuyên môn: bao gồm kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn và kiến thức tự chọn.

+ Các kiến thức, kỹ năng bổ trợ, như: kỹ năng đàm phán, kỹ năng tìm việc, quản lý tài chính,... (theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành:

+ Được thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ để đo khối lượng học tập của người học, thời gian của các hoạt động trong khóa học được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ để xác định khối lượng học tập, mỗi năm học được chia làm 02 học kỳ (5 tháng/1 học kỳ).

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.



+ Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

+ Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ: Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% - 45%; Thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 55% - 75%.

- Thực hiện nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

+ Thực hiện theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTĐ ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 338/QĐ-KTKT, ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng Trường về việc ban hành Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên; đồng thời được lồng ghép với thực hiện Chương trình môn học Công tác xã hội thực hiện theo Quyết định số 476/QĐ-KTKT ngày 01/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ về việc ban hành Chương trình môn học Công tác xã hội áp dụng cho HSSV các lớp cao đẳng, trung cấp hệ chính quy.

+ Các hoạt động dã ngoại, trải nghiệm,..... tùy theo từng ngành đưa thêm nội dung cụ thể cho phù hợp tình hình thực tế tại thời điểm theo tiến độ đào tạo)

- Thực hiện tổ chức thi kết thúc môn học: Việc tổ chức thi kết thúc môn học thực hiện theo Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành của Trường.

- Thực hiện xét công nhận tốt nghiệp: Người học phải học xong chương trình và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong Chương trình đào tạo sẽ được Hội đồng xét tốt nghiệp xét đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ Trung cấp với ngành/nghề được đào tạo, cụ thể:

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học được đánh giá theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.

+ Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Về điều kiện Tin học, Ngoại ngữ: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTĐ ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, cụ thể như sau:



+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông Tin và Truyền Thông, đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trở lên.

- Trường cấp bằng tốt nghiệp cho người học: Trình độ Trung cấp

### 9. Các chú ý khác

Chương trình này có giá trị sử dụng sau khi được thẩm định và có quyết định ban hành triển khai thực hiện kể từ ngày ký.

Cần Thơ, ngày 8 tháng 8 năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Thành Long**